NĂM THỨ XVI — SỐ 3

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
ĐỘC LẬP — TỰ DO — HẠNH PHÚC

Ngày 25 tháng 1 năm 1960

CÔNG BÁO

NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

MỤC LỤC

Các văn bản đã ban hành

PHỦ THỦ TƯỚNG

Trang

12-8-1959. — Quy định số 298-TTg về việc đăng ký nhân khẩu toàn miền Bắc năm 1959 (Đã sửa đổi theo thông tư số 021-TTg ngày 14-1-1960 của Thủ tướng chính phủ) 35

Trang

BAN CHỈ ĐẠO ĐIỀU TRA DÂN SỐ TRUNG ƯƠNG

15-1-1960. — Chỉ thị số 28-VP/DS hướng dẫn thi hành bản quy định về việc đăng ký nhân khẩu năm 1960 của Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định số 298-TTg ngày 12-8-1959 nói trên. 37

15-1-1960. — Chỉ thị số 29-VP/DS về kế hoạch điều tra dân số năm 1960. 43

Các văn bản đã ban hành

PHỦ THỦ TƯỚNG

QUY ĐỊNH số 298-TTg ngày 12-8-1959 về việc đăng ký nhân khẩu toàn miền Bắc năm 1959 *(Đã sửa đổi theo thông tư số 021-TTg ngày 14-1-1960 của Thủ tướng Chính phủ).*

Để tiến hành công tác điều tra dân số được thuận lợi và thống nhất trong toàn miền Bắc, nay Thủ tướng Chính phủ nước Việt nam dân chủ cộng hòa ban hành bản quy định về việc đăng ký nhân khẩu.

Bản quy định đăng ký nhân khẩu này nhằm đạt mục đích, yêu cầu của cuộc điều tra dân số là thu thập những tài liệu cơ bản chính xác nhất về tình hình dân số toàn miền Bắc để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch và phục vụ công tác quản lý của Nhà nước về mọi mặt.

Tình hình dân số luôn luôn di động rất phức tạp. Điều tra dân số muốn đảm bảo đạt yêu cầu chính xác nhất, không bỏ sót, tính trùng một nhân khẩu nào, cần phải có những quy định để thống nhất đăng ký giữa các địa phương trong toàn miền Bắc. Yêu cầu thống nhất đăng ký nhân khẩu theo bản quy định này, cần phải được quán triệt sâu sắc và cần được triệt để chấp hành đúng ở các cấp, các địa phương và toàn thể cán bộ điều tra dân số.

Toàn thể nhân dân có nghĩa vụ kê khai nhân khẩu cần hiểu rõ ý nghĩa, mục đích điều tra dân số và những điều quy định có quan hệ đến hộ mình, tới bản thân mình để giúp cho việc đăng ký được chính xác.

Điều 1. — **Phạm vi đối tượng và tổ chức đăng ký nhân khẩu.**

1. Tất cả mọi người Việt nam và ngoại kiều cư trú trên lãnh thổ nước Việt nam dân chủ cộng hòa, đều phải đăng ký theo bản quy định này và do Ủy ban Hành chính các cấp, có ban điều tra dân số giúp việc, phụ trách tổ chức đăng ký.

2. Các lực lượng quân đội tại ngũ, các lực lượng công an trong biên chế, không phân biệt cư trú ở đâu và những nhân khẩu khác cư trú trong khu vực thuộc phạm vi quân đội, công an do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phụ trách tổ chức đăng ký.

3. Các cán bộ, nhân viên đại sứ quán, lãnh sự quán, nhân viên công tác khác, lưu học sinh, thực tập sinh của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, công tác hay học tập ở nước ngoài, và Việt kiều, do Bộ Ngoại giao phụ trách đăng ký.

Điều 2. — **Đơn vị đăng ký.**

1. Đăng ký nhân khẩu lấy hộ làm đơn vị:

— Một hộ thông thường là một số người, không kể nhiều hay ít, ăn, ở chung với nhau và có một người đứng làm chủ hộ. Người ăn, ở riêng lẻ và tự đứng làm chủ hộ cũng coi như một hộ.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

— Một hộ tập thể là một đơn vị gồm có nhiều người ăn, ở chung, do cơ quan Nhà nước hay đoàn thể tổ chức và quản lý.

2. Mỗi hộ đăng ký theo một phiếu riêng.

Điều 3. — **Mốc thời gian đăng ký.**

Mốc thời gian để xác định nhân khẩu đăng ký là 0 giờ ngày 1 tháng 3 năm 1960, tức là 0 giờ ngày 4 tháng 2 năm Canh tý.

Kể từ sáng ngày 1 tháng 3 năm 1960, các địa phương sẽ bắt đầu và lần lượt tiến hành đăng ký nhân khẩu theo tình hình nhân khẩu thường trú ở địa phương *vào mốc thời gian* trên.

— Các nhân khẩu đã chết và đã di chuyển chính thức đi nơi khác *trước mốc thời gian* đều không đăng ký.

— Các nhân khẩu mới sinh và mới đến ở chính thức *sau mốc thời gian* đều không đăng ký.

Điều 4. — **Loại nhân khẩu đăng ký.**

Trong phạm vi toàn miền Bắc, thống nhất đăng ký loại nhân khẩu *thường trú*. Mỗi nhân khẩu chỉ được đăng ký ở một nơi là nơi thường trú.

Điều 5.— **Những nguyên tắc chính để xác định nhân khẩu thường trú.**

1. Trừ những nhân khẩu quân nhân tại ngũ và cán bộ, nhân viên công an trong biên chế, do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đăng ký theo điều 1, tiết 2 trên đây, tất cả các nhân khẩu cư trú thường xuyên cố định ở nơi nào, thì đăng ký là nhân khẩu thường trú tại nơi ấy.

2. Các nhân khẩu đã rời khỏi chỗ ở cũ trước mốc thời gian đăng ký, *nếu có giấy chứng nhận di chuyển hẳn* thì đăng ký là nhân khẩu thường trú ở nơi cư trú mới.

3. Các nhân khẩu rời khỏi chỗ ở cũ trước mốc thời gian đăng ký, nếu không có giấy chứng nhận di chuyển hẳn hoặc không rõ đi đâu, thì tính từ ngày người đó rời chỗ ở cũ ra đi đến mốc thời gian đăng ký, nếu chưa đủ 6 tháng thì đăng ký tại nơi cư trú cũ, nếu đã quá 6 tháng thì đăng ký tại nơi cư trú mới.

4. Nhân khẩu không có nơi cư trú nhất định, trong thời gian tiến hành đăng ký, nếu có mặt tại đâu thì đăng ký là nhân khẩu thường trú tại đấy và được cấp giấy chứng nhận đã đăng ký sau khi đăng ký xong.

Điều 6.— **Đăng ký các loại nhân khẩu khác.**

1. Đi làm nghĩa vụ dân công: đăng ký là nhân khẩu thường trú tại nơi cư trú cũ.

2. Thường dân nằm ở các bệnh viện: đăng ký là nhân khẩu thường trú tại nơi cư trú trước khi vào bệnh viện. Trẻ mới sinh tại bệnh viện: đăng ký theo nơi cư trú của mẹ.

3. Nhân khẩu ở các trại hủi, trại cải tạo, phạm nhân đang ở tù, hoặc đang bị tạm giam, đều đăng ký là nhân khẩu thường trú tại nơi hiện đang quản lý hoặc giam giữ họ.

4. Cán bộ, nhân viên nằm chờ công tác: do cơ quan hiện đang quản lý họ đăng ký.

5. Những nhân khẩu có nhiều chỗ ở, khó xác định nơi cư trú thường xuyên, nếu đăng ký hộ tịch thường trú tại đâu, hoặc nếu được tính nhân khẩu nông nghiệp tại đâu, hoặc bầu cử Hội đồng nhân dân tại đâu thì đăng ký là nhân khẩu thường trú tại nơi đó.

6. Những nhân khẩu được nuôi luân lưu thì đăng ký tại nơi hộ đang nuôi họ trong thời gian tiến hành đăng ký.

Điều 7.— **Đăng ký các nhân khẩu cư trú, hoặc có nghề nghiệp trên mặt nước.**

1. Những nhân khẩu làm ăn, sinh sống trên mặt nước, nếu có nơi cư trú trên bộ thì đăng ký là nhân khẩu thường trú nơi cư trú trên bộ; nếu không có nơi cư trú trên bộ mà cư trú thường xuyên trên nhà bè, thuyền bè thì nhà bè, thuyền bè ấy thuộc về bến nào thì đăng ký là nhân khẩu thường trú ở bến ấy.

2. Nhân viên làm việc trên tàu quốc doanh hoặc tư doanh, nếu có nơi cư trú trên bộ thì đăng ký là nhân khẩu thường trú tại nơi cư trú trên bộ; nếu không có nơi cư trú trên bộ thì đăng ký là nhân khẩu thường trú tại bến gốc của tàu đó.

3. Những nhân khẩu sinh sống làm ăn trên mặt nước, cùng với thuyền bè của họ, nếu không xác định được nơi cư trú thường xuyên thì khi họ và thuyền bè cập bến tại nơi nào trong thời gian tiến hành đăng ký, nơi ấy tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận đã đăng ký cho họ.

Điều 8.— **Nhân khẩu du canh.**

Trong thời gian tiến hành đăng ký những nhân khẩu du canh cư trú tại địa phương nào thì đăng ký tại địa phương ấy.

Điều 9.— Người ngoại kiều và người Việt nam ở cùng trong một hộ đều đăng ký chung trong hộ đó.

Điều 10.— Đăng ký nhân khẩu thống nhất dùng phiếu đăng ký nhân khẩu theo mẫu đính kèm do Cục Thống kê trung ương lập và do Thủ tướng phủ ban hành. Các vùng dân tộc thiểu số, nếu có chữ riêng (chữ Thái, chữ Hán) thì có thể in phiếu đăng ký bằng chữ riêng ấy theo mẫu chung.

Điều 11.— Ủy ban Hành chính các cấp, có Ban điều tra dân số giúp việc, có nhiệm vụ thi hành quy định đăng ký nhân khẩu này. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có nhiệm vụ thi hành quy định đăng ký này đối với các nhân khẩu không thuộc quân đội tại ngũ, công an trong biên chế, mà cư trú trong phạm vi quản lý của các cơ quan quốc phòng, công an, và gửi bản tổng hợp có kèm theo các phiếu đăng ký tới Ban điều tra dân số các cấp khu, thành, tỉnh để tổng hợp chung vào dân số thường trú địa phương.

Trong khi tiến hành đăng ký, các cấp, các ngành không được làm trái với những điều ghi trong quy

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

định này và cũng không được thay đổi, thêm bớt các hạng mục trong phiếu đăng ký nhân khẩu.

Những nơi do tình hình có những đặc điểm riêng, khi xét cần có những thay đổi hay bổ sung bản quy định này thì phải báo cáo, đề nghị với Ban chỉ đạo điều tra dân số Trung ương, và sau khi được duyệt y mới được thi hành.

Điều 12.— Ban chỉ đạo điều tra dân số Trung ương có trách nhiệm giải thích và hướng dẫn thi hành quy định này trong toàn miền Bắc.

Hà nội, ngày 12 tháng 8 năm 1959

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

BAN CHỈ ĐẠO ĐIỀU TRA DÂN SỐ TRUNG ƯƠNG

CHỈ THỊ số 28-VP/DS ngày 15-1-1960 hướng dẫn thi hành bản quy định về việc đăng ký nhân khẩu năm 1960 của Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định số 298-TTg ngày 12-8-1959 nói trên.

Chỉ thị này nhằm hướng dẫn và giúp đỡ cho cán bộ làm công tác điều tra dân số nghiên cứu nắm vững được tinh thần và nội dung chủ yếu của bản « Quy định về việc đăng ký nhân khẩu năm 1960 » do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định trên, để thống nhất áp dụng trong khi tiến hành công tác.

Về điều 1:

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU

Điều này định rõ những nhân khẩu thuộc phạm vi cần phải được đăng ký và sự phân công tổ chức đăng ký nhân khẩu.

I. NHÂN KHẨU VIỆT NAM

Tất cả những người Việt nam ở trong nước và những nhân khẩu Việt nam tạm thời ra nước ngoài đều phải được đăng ký ở trong nước. Những nhân viên Việt nam công tác, học tập... có tính chất thường xuyên ở ngoài nước và Việt kiều do các ngành trung ương phụ trách đăng ký theo kế hoạch riêng.

Về mặt tổ chức đăng ký, cần phân biệt như sau:

1. Những nhân khẩu do Ban điều tra dân số các cấp phụ trách tổ chức đăng ký.

— Tất cả những người Việt nam (trừ những nhân khẩu do Bộ Quốc phòng Tổng tư lệnh, Bộ Công an phụ trách đăng ký), kể cả những người mất quyền công dân, cư trú thường xuyên ở trong nước.

— Tất cả những người Việt nam tạm thời ra nước ngoài.

2. Những nhân khẩu do Bộ Quốc phòng Tổng tư lệnh phụ trách đăng ký.

a) Quân nhân tại ngũ, công nhân viên quốc phòng, bao gồm tất cả những nhân khẩu cư trú ở trong doanh trại hay ở ngoài doanh trại.

b) Những loại nhân khẩu khác như những nhân khẩu không phải là công nhân viên quốc phòng, những nhân khẩu gia thuộc quân nhân, công nhân viên quốc phòng *cư trú trong doanh trại* có đủ *giấy tờ di chuyển hẳn* do chính quyền địa phương nơi cư trú gốc cũ cấp, hoặc không có giấy chứng nhận di chuyển nhưng đã cư trú trong doanh trại *trên 6 tháng*.

— Những nhân khẩu gọi là quân nhân là những người có chứng minh thư do quân đội cấp, có mang quân hiệu, quân hàm.

— Những nhân khẩu gọi là công nhân viên quốc phòng là những người có giấy của Bộ Quốc phòng chứng nhận đăng ký trong hệ thống quốc phòng.

Đối với tất cả những nhân khẩu trên, sau khi đăng ký và tổng hợp xong, các đơn vị quân đội hoặc tổ chức quốc phòng phụ trách tổ chức đăng ký *phải gửi toàn bộ tài liệu* đăng ký và tổng hợp lên thẳng Bộ Quốc phòng — Tổng tư lệnh. Các địa phương không có trách nhiệm đăng ký, tổng hợp.

c) Các loại nhân khẩu sau đây vẫn do Bộ Quốc phòng Tổng tư lệnh phụ trách đăng ký.

— Quân nhân do Quân đội biệt phái — không phải là quân nhân chuyển ngành — sang làm việc ở các cơ quan Nhà nước và các đơn vị sản xuất quốc doanh ngoài hệ thống quốc phòng.

— Quân nhân về các địa phương có các loại giấy tờ đi công tác (công lệnh), giấy thuyên chuyển trong nội bộ quân đội, giấy ra viện, giấy an dưỡng, giấy nghỉ phép *đã hết hạn* mà chưa quá 6 tháng.

— Quân nhân đã được chuyển ngành, phục viên, vì lý do nào đó, lại *trở lại quân đội* có đủ giấy chứng nhận di chuyển, hoặc không có giấy chứng nhận di chuyển nhưng đã *ở trên 6 tháng*.

— Quân nhân tại ngũ nằm ở các bệnh viện « dân y » thì do bệnh viện « dân y » đăng ký, nhưng sau khi đăng ký xong, gửi cả phiếu và bản kê danh sách về *Quân khu sở tại* để tổng hợp chung với quân đội.

— (Quân nhân ở bệnh viện Lao và Trại phong (trại hủi) thuộc Bộ Y tế quản lý: *Quân đội không đăng ký và không tổng hợp*, mà do bệnh viện Lao và Trại phong thuộc Bộ Y tế đăng ký và gửi phiếu

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com